TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Hồ.

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước - tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1960. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C ..

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1958. (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 1980 bà S và ông D tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cải vã với nhau, đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên bà S yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- *Về con chung*: Có 04 người con chung, Nguyễn Văn Trải – sinh năm 1981, Nguyễn Văn Trổi – sinh năm 1984, Nguyễn Văn Dậy – sinh năm 1986 và Nguyễn Như Ý – sinh năm 1988, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ thu:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà S yêu cầu ly hôn.

** Tại phiên tòa:*

- Bà Phạm Thị S trình bày yêu cầu: Bà S yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D, về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung và nợ thu: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần 2, nhưng ông D vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1980, bà S và ông D tiến đến hôn nhân, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Do quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông D được xác lập trước ngày 03/01/1987 (sống chung năm 1980, người con đầu của vợ chồng ông bà sinh năm 1981), nên căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

Căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội và điểm c.1 mục 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 13/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Văn D được công nhận là vợ chồng.

Theo lời trình bày của bà S, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, nên bà S yêu cầu ly hôn với ông D. Ông D không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của bà S, qua đó cho thấy ông D không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa hai người. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình

trạng hôn nhân tới mức trầm trọng không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S đối với ông D.

[2.2] Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ thu: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Phạm Thị S có đơn xin miễn nộp án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi, nên miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị S đối với ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ thu: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị S được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí, nên không đặt ra xem xét.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Hoàng Tuấn